

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-KĐCLGDTL ngày 02 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 21 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí cho Trường Đại học Văn hóa Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHVHHN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Phí Thị Nguyệt Thanh



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí
của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

*(Kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,67	4	66,67
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	3			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,98	45	90



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được phát biểu rõ ràng, cơ bản phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng có sự tham gia của các bên liên quan, đã thể hiện đặc trưng của ngành Báo chí, bao quát được các yêu cầu chung và chuyên biệt của người học tốt nghiệp CTĐT. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được mô tả trong Bản mô tả CTĐT và được phổ biến tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin cơ bản, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường, được công khai tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Đề cương các học phần được công khai trên website của Trường và phổ biến tới người học tại buổi học đầu tiên của học phần, được lưu trữ tại Văn phòng khoa để sẵn sàng cung cấp cho các bên liên quan.

3. Chương trình dạy học có cấu trúc liên mạch giữa các khối kiến thức bao gồm đầy đủ các khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành với các học phần được phân bổ khá hợp lý, bảo đảm tính logic của tiến trình đào tạo; có nội dung cập nhật, có tính tích hợp liên ngành về báo chí, truyền thông văn hoá - nghệ thuật; được lấy ý kiến một số bên liên quan và tham khảo một số CTĐT trong nước để rà soát, điều chỉnh, bảo đảm tính linh hoạt.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng, được tổ chức phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Hoạt động dạy học của Khoa, Bộ môn và các giảng viên được thiết kế, xây dựng hướng đến đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực, lấy người học làm trung tâm; chú trọng khai thác thế mạnh của Trường, Khoa về lĩnh vực văn hoá - nghệ thuật, phù hợp với đặc thù của ngành, hướng tới khả năng thực hành, phát triển và nâng cao kỹ năng thiết yếu trong hoạt động tác nghiệp báo chí, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, nâng cao khả năng học suốt đời cho người học.

5. Có đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn về các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong CTĐT, có nhiều hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng như tự luận, thuyết trình, tiểu luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành làm tác phẩm, sản phẩm, ... Các quy định về kiểm tra đánh giá được giảng viên phổ biến tới người học bằng nhiều hình thức. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời đến người

học để điều chỉnh và cải thiện việc học tập. Người học và cựu người học hài lòng về việc khiếu nại kết quả kiểm tra đánh giá do dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại và việc giải quyết hợp lý của Nhà trường.

6. Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thể hiện trong các văn bản của Trường, được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Tỷ lệ sinh viên chính quy/01 giảng viên, quy đổi bảo đảm theo quy định, khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh, làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên được thực hiện theo quy định. Thực hiện đánh giá giảng viên trong cả quá trình và giám sát việc đánh giá khá chặt chẽ, khách quan, công bằng. Công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện dựa trên nhu cầu phát triển của Trường, của bộ môn và nhu cầu của từng giảng viên, nghiên cứu viên. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường thể chế bằng văn bản và triển khai thực hiện tốt. Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học, giảng viên đã thực hiện đầy đủ các loại hình nghiên cứu khoa học như đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, biên soạn sách được xuất bản, đăng bài báo trên tạp chí nước ngoài, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải và báo cáo tham luận tại hội thảo trong nước và quốc tế.

7. Mục tiêu phát triển đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ ràng, cụ thể trong chiến lược phát triển Trường, được triển khai thực hiện, đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu công việc. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định, được cụ thể hóa qua các tiêu chí (yêu cầu về trình độ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ, yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ). Việc đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ và chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên được tiến hành có quy trình, có tính đến nhu cầu cá nhân và yêu cầu công việc. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện có hệ thống, có quy trình.

8. Các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học được xác định rõ ràng, được rà soát và đánh giá hằng năm. Nhà trường đã ban hành khá đầy đủ các quy định và quy trình về giám sát sự tiến bộ của người học. Trường có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho người học, triển khai thực hiện đa dạng các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập, tư vấn việc làm. Trường có môi trường tâm lý, xã hội, không khí làm việc, học tập thân thiện, môi trường sư phạm tốt, giữ gìn cảnh quan xanh, sạch đẹp, bảo đảm các điều kiện an ninh, an toàn.

9. Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện có không gian đẹp, thân thiện, có trang thiết bị, máy móc cùng phần mềm hiện đại, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện, có đủ học liệu theo đề cương học phần, có phần mềm quản lý,

theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (SIERRA, Dspace). Hệ thống phòng thực hành tin học, phòng thực hành thông minh đa năng, nhà văn hóa được trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đầy đủ máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trực tuyến. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo các quy định hiện hành và được triển khai thực hiện trên cơ sở các quy trình do Trường ban hành, được các đơn vị chuyên môn kiểm tra, giám sát.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin được thiết lập phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được ban hành, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được thực hiện. Giảng viên của Khoa/Bộ môn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nội dung ứng dụng vào giảng dạy. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định cụ thể, được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học và phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Thực hiện thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Trường đã xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm, xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được quan tâm thực hiện.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát và điều chỉnh để bảo đảm chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định chính xác, cụ thể, rõ ràng hơn, không chồng lấn, trùng lặp, bảo đảm tính đo lường, đánh giá được và hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của trình độ đại học bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam; thiết kế và thực hiện việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động, khảo sát nhu cầu các bên liên quan chính xác, bám sát thực tế và toàn diện hơn để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT trong lần cập nhật tới; tăng cường, đa dạng hoá công tác thông tin, truyền thông nội bộ về chuẩn đầu ra của CTĐT, đặc biệt quan tâm đến đối tượng người học, bảo đảm chuẩn đầu ra được tiếp cận dễ dàng

hơn nữa.

2. Rà soát, bổ sung đầy đủ các thông tin và điều chỉnh tên gọi của bản mô tả CTĐT theo đúng quy định, thực hiện phân nhiệm mức độ đóng góp của các học phần trong việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; nâng cao hiệu quả rà soát, bảo đảm các đề cương học phần xác định đúng số giờ lý thuyết/thực hành/tự học; rà soát hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo bảo đảm cập nhật theo đúng quy định; thay đổi cách truyền thông nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương học phần sáng tạo, hấp dẫn hơn, thu thập được thêm nhiều ý kiến chất lượng để cải tiến CTĐT.

3. Xác định rõ ràng các chuẩn đầu ra để bảo đảm tính tương thích định hướng của chương trình dạy học; tăng cường, nâng cao chất lượng công tác rà soát, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài trường để phục vụ cho quá trình cải tiến chất lượng chương trình dạy học; bảo đảm các môn học/học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra; phân nhiệm hợp lý mức độ đóng góp (Introduce, Reinforce, Mastery) cho từng học phần trong CTĐT; xây dựng tiêu chí cụ thể lựa chọn đối tác tham khảo, đối sánh với CTĐT tiên tiến của các trường đại học nước ngoài, khi đối sánh cần đi sâu phân tích nội dung của từng học phần.

4. Nâng cao hiệu quả truyền thông về triết lý giáo dục tới các bên liên quan trong và ngoài nhà trường; chia sẻ kinh nghiệm lồng ghép, lan tỏa triết lý giáo dục trong dạy và học và để đạt hiệu quả tốt hơn nữa trong toàn trường; định kỳ hằng năm tổng kết đánh giá một cách bài bản về hoạt động học tập của người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của ngành Báo chí; có cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động tự học, rà soát, cập nhật, đa dạng hơn nữa các tài liệu học tập trong đề cương học phần nhằm giúp cho hoạt động tự học được hiệu quả hơn nữa; tăng cường kết nối đơn vị sử dụng nhân lực Báo chí, truyền thông để gia tăng cơ hội trải nghiệm thực tế cho người học.

5. Tăng cường công tác hậu kiểm, rà soát, giám sát nhằm bảo đảm các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng bảo đảm đo lường được các yêu cầu, chuẩn đầu ra cần đo và bảo đảm độ tin cậy, tính công bằng; thực hiện phân tích kết quả thi để xây dựng và chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần của CTĐT nhằm bảo đảm các đề thi đo lường được đúng chuẩn đầu ra cần đo; xây dựng quy định kiểm soát chất lượng các bài thi theo hình thức thực hành làm tác phẩm/sản phẩm; đối sánh kết quả học tập của sinh viên, kết quả đạt chuẩn đầu ra học phần qua các năm học, sử dụng để cải tiến đề cương học phần; đối sánh kết quả đạt chuẩn đầu ra CTĐT qua các khoá tốt nghiệp và sử dụng kết quả để rà soát, cải tiến CTĐT; thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về hiệu quả của việc phổ biến, truyền thông các quy định và quy trình phúc khảo kết quả học tập để đánh giá mức độ hiểu, khả năng tiếp cận thông tin, từ đó điều chỉnh nội dung, hình thức truyền thông phù hợp về các quy định khảo thí tới người học.

6. Phân tích kỹ hơn nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng nội dung về phát triển nguồn nhân lực trong các kế hoạch/chiến lược của Trường; tăng cường chính sách thu hút để tuyển được

giảng viên có đạo đức và năng lực chuyên môn cao (Tiền sĩ, Phó Giáo sư và Giáo sư) và uy tín trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học để làm nòng cốt cho Khoa trong phát triển CTĐT; mở rộng nội dung đánh giá, nhằm tạo sự khuyến khích phù hợp đối với những hoạt động phát triển CTĐT, hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; quy định tiêu chí và điểm cụ thể để đánh giá năng lực đóng góp, phục vụ cộng đồng của giảng viên; hoàn thiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên phục vụ cho công tác quản trị, quản lý, báo cáo, theo dõi chung; hoàn thiện bộ chỉ số (KPI) cụ thể, rõ ràng để đánh giá phân loại giảng viên, nghiên cứu viên; tăng cường tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng cho giảng viên về phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, viết giáo trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá hướng đến đạt chuẩn đầu ra của học phần; xây dựng đa dạng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác, có các chính sách hỗ trợ và thu hút hợp tác để đồng thực hiện các nhóm đề tài nghiên cứu các cấp, nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên hàng năm; thực hiện khảo sát giảng viên/nghiên cứu viên, các bên liên quan về công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động thi đua khen thưởng từ đó có kết quả đánh giá nhiều khía cạnh và cải tiến các hoạt động này được tốt hơn.

7. Rà soát, cập nhật, cải tiến và xây dựng đầy đủ các văn bản nội bộ trong việc quản lý, phát triển đội ngũ nhân viên để thể hiện tính đặc thù và phát huy tính tự chủ của Trường; xác định rõ ràng năng lực đội ngũ nhân viên và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên có tính định lượng cao, dễ đo lường; tổng kết, đánh giá hiệu quả theo chu trình PDCA đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; rà soát tổ chức nhiều hơn các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ gắn với yêu cầu của công việc của nhân viên, đặc biệt là về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ngoại ngữ dành cho đội ngũ nhân viên.

8. Tăng cường và đổi mới phương thức thu thập ý kiến góp ý của các bên liên quan ngoài trường về các chính sách và quy định tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển người học để có sự điều chỉnh phù hợp; rà soát hệ thống văn bản quy định giám sát sự tiến bộ của người học để cập nhật, điều chỉnh kịp thời và phù hợp; nâng cấp tốc độ đường truyền cho hệ thống quản lý đào tạo giúp người học truy cập được thuận lợi hơn; tổ chức tổng kết đánh giá để có căn cứ cải tiến các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được hiệu quả hơn; nghiên cứu bố trí bổ sung không gian học tập mở phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của người học và thiết kế bộ câu hỏi khảo sát về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan với các tiêu chí sâu hơn nhằm đánh giá được chính xác hơn.

9. Có kế hoạch sắp xếp phòng làm việc cho giảng viên bảo đảm theo quy định hiện hành tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; rà soát quy định hướng dẫn viết giáo trình, tài liệu để ban hành hướng dẫn biên soạn giáo trình theo đề cương học phần bảo đảm thống nhất chung trong toàn Trường theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT; tách riêng kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của thư viện về các nguồn học liệu cho từng CTĐT; khảo sát sự hài lòng của giảng viên, người học về mức độ phù hợp để có

đủ cơ sở cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thực hành chuyên ngành; rà soát, xây dựng phần mềm quản trị đại học tổng thể để đồng bộ quản lý được các hoạt động trong toàn trường, thuận lợi cho việc kết xuất dữ liệu báo cáo thống kê; có kế hoạch xây dựng bài giảng e-learning đáp ứng với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học; rà soát các câu hỏi khảo sát lấy ý kiến của giảng viên, nhân viên và sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin, phù hợp với từng đối tượng hỏi và từng ngành học bảo đảm thu được thông tin hữu ích để cải tiến chất lượng; xây dựng văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn do Nhà trường ban hành; rà soát và điều chỉnh bộ câu hỏi phản hồi lấy ý kiến của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn (đặc biệt lưu ý tới đối tượng là người khuyết tật).

10. Thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường với số lượng nhiều hơn khi xây dựng/rà soát CTĐT; sớm ban hành quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; định kỳ tổ chức phân tích, đánh giá về sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra; quan tâm khuyến khích giảng viên kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành và nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập; ban hành kế hoạch cải tiến tổng thể các hoạt động sau khảo sát các bên liên quan và thực hiện giám sát, tổng kết đánh giá hoạt động cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, trên cơ sở đó xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu hướng tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, cải tiến phù hợp; phân tích, đánh giá kết quả đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT có việc làm trong nội bộ cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực để đề xuất những giải pháp phù hợp cho hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và hỗ trợ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; lựa chọn một số cơ sở giáo dục có cùng ngành đào tạo cho hoạt động đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học để cải tiến, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của người học; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở dữ liệu của hoạt động đối sánh và mức độ hài lòng của các bên liên quan, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.